

Số: 541 /QĐ - BYT

Hà Nội, ngày 14 tháng 12 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc Phê duyệt danh mục kỹ thuật chuyên môn
đối với Bệnh viện Mắt Quốc tế Việt Nga TP. Hồ Chí Minh**

BỘ TRƯỞNG BỘ Y TẾ

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 40/2009/QH12 ngày 23/11/2009;

Căn cứ Nghị định số 75/2017/NĐ - CP ngày 20/6/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;

Căn cứ Nghị định số 109/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 Quy định cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 43/2013/TT-BYT ngày 11/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Y tế Quy định chi tiết phân tuyến chuyên môn kỹ thuật đối với hệ thống cơ sở khám bệnh, chữa bệnh; Thông tư số 21/2017/TT-BYT ngày 10/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh ban hành kèm theo Thông tư số 43/2013/TT-BYT ngày 11/12/2013;

Căn cứ Biên bản thẩm định cấp Giấy phép hoạt động đối với Bệnh viện Mắt Quốc tế Việt Nga TP Hồ Chí Minh ngày 04/11/2018;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý Khám, chữa bệnh - Bộ Y tế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Bệnh viện Mắt Quốc tế Việt Nga TP. Hồ Chí Minh (địa chỉ: Số 1 đường Ba Tháng Hai, phường 11, quận 10, TP. Hồ Chí Minh) được thực hiện như sau:

- Quy mô 30 giường bệnh điều trị trong ngày;
- Được phân tuyến chuyên môn kỹ thuật là tuyến III và xếp hạng tương đương với bệnh viện hạng III;
- Được thực hiện 528 kỹ thuật theo quy định tại Thông tư số 43/2013/TT - BYT ngày 11/12/2013 và Thông tư số 21/2017/TT-BYT ngày 10/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định chi tiết phân tuyến chuyên môn kỹ thuật đối với hệ thống cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

Điều 2. Bệnh viện Mắt Quốc tế Việt Nga TP. Hồ Chí Minh phải thực hiện đúng phạm vi hoạt động chuyên môn, quy trình kỹ thuật chuyên môn của Bộ Y tế ban hành để bảo đảm an toàn sức khỏe cho người bệnh.

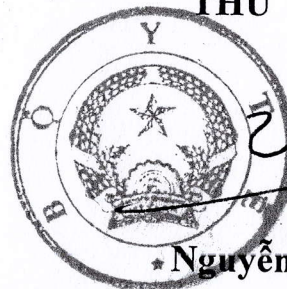
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, ban hành.

Điều 4. Các Ông, Bà: Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Quản lý Khám, chữa bệnh - Bộ Y tế, Giám đốc Bệnh viện Mắt Quốc tế Việt Nga TP. Hồ Chí Minh và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- BT. Nguyễn Thị Kim Tiến (để báo cáo);
- Sở Y tế TP. Hồ Chí Minh (để phối hợp);
- Lưu: VT, KCB.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Nguyễn Việt Tiến



DANH MỤC KỸ THUẬT
BỆNH VIỆN MẮT QUỐC TẾ VIỆT - NGA TP. HỒ CHÍ MINH
(Ban hành kèm theo Quyết định số 541/QĐ – BYT ngày 14 tháng 02 năm 2019
của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc phê duyệt Danh mục kỹ thuật đối với
Bệnh viện Mắt quốc tế Việt Nga TP. Hồ Chí Minh)

I. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC

STT	STT theo TT 43 và TT 21	DANH MỤC KỸ THUẬT
		I. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC
		A. TUẦN HOÀN
1.	31	Sốc điện ngoài lồng ngực cấp cứu
		B. HÔ HẤP
2	57	Thở oxy qua gọng kính
3	58	Thở oxy qua mặt nạ không có túi
4	65	Bóp bóng Ambu qua mặt nạ
5	66	Đặt ống nội khí quản
		D. THẬN KINH
6	201	Soi đáy mắt cấp cứu

II. NỘI KHOA

STT	STT theo TT 43 và TT 21	DANH MỤC KỸ THUẬT
		B. Tim Mạch
7	85	Điện tim thường

IX. GÂY MÊ HỒI SỨC

STT	STT theo TT 43 và TT 21	DANH MỤC KỸ THUẬT

A.CÁC KỸ THUẬT		
8	2	Kỹ thuật cách ly dự phòng
9	6	Cấp cứu cao huyết áp
10	7	Cấp cứu ngừng thở
11	8	Cấp cứu ngừng tim
12	10	Cấp cứu tụt huyết áp
13	21	Chống hạ thân nhiệt trong hoặc sau phẫu thuật
14	46	Đặt nội khí quản với thuốc mê tĩnh mạch, thuốc mê hô hấp
15	61	Kỹ thuật gây mê có hạ huyết áp chỉ huy
16	62	Kỹ thuật gây mê hô hấp qua mặt nạ
17	102	Kỹ thuật giảm đau bằng thuốc cho người bệnh sau phẫu thuật, sau chấn thương
18	117	Hô hấp nhân tạo bằng tay với bóng hayambu trong và sau mê
19	127	Liệu pháp kháng sinh dự phòng trước và sau phẫu thuật
20	133	Lưu kim luôn tĩnh mạch để tiêm thuốc
21	148	Rửa tay phẫu thuật
22	149	Rửa tay sát khuẩn
23	168	Theo dõi huyết áp không xâm lấn bằng máy
24	173	Theo dõi SpO2
25	176	Theo dõi thân nhiệt với nhiệt kế thường quy
26	184	Thở oxy qua mặt nạ
27	192	Thường quy đặt nội khí quản khó
28	195	Truyền dịch thường quy
29	196	Truyền dịch trong sốc
30	197	Truyền máu hoặc sản phẩm máu thường quy
31	200	Vận chuyển bệnh nhân nặng ngoại viện
32	201	Vận chuyển bệnh nhân nặng nội viện
33	204	Vô trùng phòng phẫu thuật, phòng tiêu phẫu hoặc buồng bệnh
34	205	Xác định nhóm máu trước truyền máu tại giường
B.GÂY Mê		
35	280	Gây mê phẫu thuật bơm dầu Silicon, khí nở sung sau phẫu thuật cắt dịch kính điều trị bong võng mạc
36	282	Gây mê phẫu thuật bong võng mạc tái phát
37	283	Gây mê phẫu thuật bong võng mạc theo phương pháp kính điện
38	285	Gây mê phẫu thuật bong võng mạc, cắt dịch kính có hoặc không laser nội nhãn, có hoặc không dung dầu/khí nội nhãn
39	323	Gây mê phẫu thuật cắt bè cứng giác mạc (Trabeculectomy)
40	324	Gây mê phẫu thuật cắt bè sử dụng thuốc chống chuyển hóa hoặc chất anti VEGF
41	339	Gây mê phẫu thuật cắt cơ Muller có hoặc không cắt cân cơ nâng mi điều trị hờ mi
42	340	Gây mê phẫu thuật cắt cơ Muller
43	345	Gây mê phẫu thuật cắt củng mạc sâu có hoặc không áp thuốc chống chuyển hóa
44	370	Gây mê phẫu thuật cắt khối u da lành tính mi mắt

45	371	Gây mê phẫu thuật cắt khối u da lành tính trên 5cm
46	393	Gây mê phẫu thuật cắt móng mắt quang học có hoặc không tách dính phức tạp
47	408	Gây mê phẫu thuật cắt nhãn cầu có hoặc không cắt thị thần kinh dài
48	448	Gây mê phẫu thuật cắt thể thủy tinh, dịch kính có hoặc không cố định IOL
49	504	Gây mê phẫu thuật cắt túi lệ
50	530	Gây mê phẫu thuật cắt u da mi không ghép
51	541	Gây mê phẫu thuật cắt u kết mạc có hoặc không u giác mạc không ghép
52	542	Gây mê phẫu thuật cắt u kết mạc, giác mạc có ghép kết mạc, màng ôi hoặc giác mạc
53	543	Gây mê phẫu thuật cắt u kết mạc, giác mạc không vỏ
54	556	Gây mê phẫu thuật cắt u mi cả bề dày ghép sụn kết mạc và chuyển vạt da
55	557	Gây mê phẫu thuật cắt u mi cả bề dày không ghép
56	558	Gây mê phẫu thuật cắt u mi cả bề dày không vá
57	560	Gây mê phẫu thuật cắt u mỡ phần mềm
58	657	Gây mê phẫu thuật cố định bao Tenon tạo cùng đồ dưới
59	660	Gây mê phẫu thuật cố định IOL thì hai+cắt dịch kính
60	681	Gây mê phẫu thuật đặt IOL trên mắt cận thị (Phakic)
61	683	Gây mê phẫu thuật đặt ống silicon lệ quản-ống lệ mũi
62	684	Gây mê phẫu thuật đặt ống silicon tiền phòng điều trị glôcôm
63	685	Gây mê phẫu thuật đặt ống tiền phòng điều trị glôcôm (đặt shunt mini express)
64	692	Gây mê phẫu thuật đặt thể thủy tinh nhân tạo (IOL) thì 2 (không cắt dịch kính)
65	693	Gây mê phẫu thuật đặt van dẫn lưu tiền phòng điều trị glôcôm
66	708	Gây mê phẫu thuật điều trị bong hắc mạc: chọc hút dịch bong dưới hắc mạc, bơm hơi tiền phòng
67	715	Gây mê phẫu thuật điều trị co gập mi, co quắp mi, cau mày, nếp nhăn da mi bằng thuốc (botox,disport...),laser
68	720	Gây mê phẫu thuật điều trị glôcôm bằng tạo hình vùng bè (Trabeculoplasty)
69	723	Gây mê phẫu thuật điều trị hở mi
70	737	Gây mê phẫu thuật điều trị lác bằng thuốc (botox, dysport...)
71	739	Gây mê phẫu thuật điều trị lật mi dưới có hoặc không ghép
72	740	Gây mê phẫu thuật điều trị một số bệnh võng mạc bằng laser (bệnh võng mạc tiểu đường, cao huyết áp, trẻ đẻ non...)
73	746	Gây mê phẫu thuật điều trị sẹo giác mạc bằng laser
74	802	Gây mê phẫu thuật đính chỗ bám cơ vào dây chằng mi điều trị lác liệt
75	807	Gây mê phẫu thuật Doenig
76	808	Gây mê phẫu thuật độn củng mạc bằng collagen điều trị cận thị
77	829	Gây mê phẫu thuật đóng lỗ dò đường lệ
78	849	Gây mê phẫu thuật ghép củng mạc
79	841	Gây mê phẫu thuật Epicanthus
80	845	Gây mê phẫu thuật gấp cân cơ nâng mi trên điều trị sụp mi
81	867	Gây mê phẫu thuật ghép màng ôi, kết mạc điều trị loét, thủng giác mạc
82	868	Gây mê phẫu thuật ghép màng sinh học bề mặt nhãn cầu
83	869	Gây mê phẫu thuật ghép mỡ điều trị lõm mắt
84	885	Gây mê phẫu thuật glôcôm lần 2 trở lên

85	886	Gây mê phẫu thuật gọt giác mạc đơn thuần
86	888	Gây mê phẫu thuật hạ mi trên (chỉnh chỉ, lùi cơ nâng mi...)
87	894	Gây mê phẫu thuật hẹp khe mi
88	898	Gây mê phẫu thuật kéo dài cân cơ nâng mi
89	1018	Gây mê phẫu thuật lác có chỉnh chỉ
90	1019	Gây mê phẫu thuật lác người lớn
91	1020	Gây mê phẫu thuật lác phức tạp (di thực cơ, phẫu thuật cơ chéo, faden...)
92	1021	Gây mê phẫu thuật lác thông thường
93	1035	Gây mê phẫu thuật laser điều trị u máu mi, kết mạc, hốc mắt
94	1037	Gây mê phẫu thuật laser excimer điều trị tật khúc xạ
95	1039	Gây mê phẫu thuật laser femtosecond điều trị tật khúc xạ
96	1040	Gây mê phẫu thuật laser mở bao sau đục
97	1046	Gây mê phẫu thuật lấy da mi sa (mi trên, mi dưới, 2 mi) có hoặc không lấy mỡ dưới da mi
98	1048	Gây mê phẫu thuật lấy dị vật giác mạc sâu
99	1049	Gây mê phẫu thuật lấy dị vật hốc mắt
100	1055	Gây mê phẫu thuật lấy dị vật tiền phòng
101	1056	Gây mê phẫu thuật lấy dị vật trong củng mạc
102	1072	Gây mê phẫu thuật lấy mỡ mi mắt trên, dưới và tạo hình 2 mi
103	1096	Gây mê phẫu thuật lấy thể thủy tinh (trong bao, ngoài bao, Phaco) có hoặc không đặt IOL trên mắt đục nhất
104	1097	Gây mê phẫu thuật lấy thể thủy tinh ngoài bao có hoặc không đặt IOL
105	1098	Gây mê phẫu thuật lấy thể thủy tinh sa, lệch bằng phương pháp phaco, phối hợp cắt dịch kính có hoặc không đặt IOL
106	1099	Gây mê phẫu thuật lấy thể thủy tinh trong bao, ngoài bao, Phaco có hoặc không đặt IOL trên mắt đục nhất
107	1100	Gây mê phẫu thuật lấy thể thủy tinh trong bao, ngoài bao, Phaco có hoặc không đặt thể thủy tinh nhân tạo trên mắt đục nhất
108	1122	Gây mê phẫu thuật mắt ở trẻ em
109	1124	Gây mê phẫu thuật mở bao sau
110	1125	Gây mê phẫu thuật mở bao sau đục bằng laser
111	1126	Gây mê phẫu thuật mở bè có hoặc không cắt bè
112	1137	Gây mê phẫu thuật mở góc tiền phòng
113	1148	Gây mê phẫu thuật mở rộng điểm lệ
114	1149	Gây mê phẫu thuật mở rộng khe mi
115	1161	Gây mê phẫu thuật mức nội nhãn
116	1170	Gây mê phẫu thuật nhuộm giác mạc thẩm mỹ
117	1612	Gây mê phẫu thuật vá da tạo hình mi
		D. GÂY TÊ
118	3042	Gây tê áp lạnh điều trị u máu mi, kết mạc, hốc mắt trẻ em
119	3043	Gây tê áp tia beta điều trị các bệnh lý kết mạc trẻ em
120	3095	Gây tê phẫu thuật bóc biểu mô GM (xâm nhập dưới vật) sau phẫu thuật Lasik
121	3100	Gây tê phẫu thuật bơm dầu Silicon, khí bô sung sau PT cắt DK điều trị BVM
122	3102	Gây tê phẫu thuật bong võng mạc tái phát



123	3103	Gây tê phẫu thuật bong võng mạc theo phương pháp kính điển
124	3105	Gây tê phẫu thuật bong võng mạc, cắt dịch kính có hoặc không laser nội nhãn, có hoặc không dùng dầu/khí nội nhãn
125	3159	Gây tê phẫu thuật cắt cơ Muller có hoặc không cắt cân cơ nâng mi điều trị hở mi
126	3160	Gây tê phẫu thuật cắt cơ Muller
127	3189	Gây tê phẫu thuật cắt khối u da lành tính dưới 5cm
128	3191	Gây tê phẫu thuật cắt khối u da lành tính trên 5cm
129	3268	Gây tê phẫu thuật cắt thể thủy tinh, dịch kính có hoặc không cố định IOL
130	3269	Gây tê phẫu thuật cắt thị thần kinh
131	3349	Gây tê phẫu thuật cắt u da mi có trượt lông mi, vạt da, hay ghép da
132	3350	Gây tê phẫu thuật cắt u da mi không ghép
133	3361	Gây tê phẫu thuật cắt u kết mạc có hoặc không u giác mạc không ghép
134	3362	Gây tê phẫu thuật cắt u kết mạc, giác mạc có ghép kết mạc, màng ôi hoặc giác mạc
135	3363	Gây tê phẫu thuật cắt u kết mạc, giác mạc không vò
136	3364	Gây tê phẫu thuật cắt u lành phần mềm đường kính trên 10cm
137	3376	Gây tê phẫu thuật cắt u mi cả bề dày ghép sụn kết mạc và chuyển vạt da
138	3377	Gây tê phẫu thuật cắt u mi cả bề dày không ghép
139	3378	Gây tê phẫu thuật cắt u mi cả bề dày không vá
140	3380	Gây tê phẫu thuật cắt u mỡ phần mềm
141	3431	Gây tê phẫu thuật cắt ung thư da vùng mi mắt dưới và tạo hình
142	3459	Gây tê phẫu thuật chỉnh, xoay, lấy IOL có hoặc không cắt DK
143	3470	Gây tê phẫu thuật chỉnh, xoay, lấy IOL có hoặc không cắt dịch kính
144	3475	Gây tê phẫu thuật chuyển gân điều trị mắt hở mi (2 mắt)
145	3480	Gây tê phẫu thuật cố định IOL thì hai + cắt dịch kính
146	3500	Gây tê phẫu thuật đặt bản silicon điều trị lồi mắt
147	3501	Gây tê phẫu thuật đặt IOL trên mắt cận thị (Phakic)
148	3503	Gây tê phẫu thuật đặt ống silicon lệ quản – ống lệ mũi
149	3504	Gây tê phẫu thuật đặt ống silicon tiền phòng điều trị glôcôm
150	3505	Gây tê phẫu thuật đặt ống tiền phòng điều trị glôcôm (đặt shunt mini express)
151	3512	Gây tê phẫu thuật đặt thể thủy tinh nhân tạo (IOL) thì 2 (không cắt dịch kính)
152	3513	Gây tê phẫu thuật đặt van dẫn lưu tiền phòng điều trị glôcôm
153	3516	Gây tê phẫu thuật di thực hàng lông mi
154	3528	Gây tê phẫu thuật điều trị bong hắc mạc: chọc hút dịch bong dưới hắc mạc, bơm hơi tiền phòng
155	3535	Gây tê phẫu thuật điều trị co giật mi, co quắp mi, cau mày, nếp nhăn da mi bằng thuốc (botox, dysport...), laser
156	3540	Gây tê phẫu thuật điều trị glôcôm bằng tạo hình vùng bề (Trabeculoplasty)
157	3543	Gây tê phẫu thuật điều trị hở mi
158	3557	Gây tê phẫu thuật điều trị lác bằng thuốc (botox, dysport...)
159	3559	Gây tê phẫu thuật điều trị lật mi dưới có hoặc không ghép
160	3560	Gây tê phẫu thuật điều trị một số bệnh võng mạc bằng laser (bệnh võng mạc

		tiểu đường, cao huyết áp, trẻ đẻ non...)	
161	3566	Gây tê phẫu thuật điều trị sẹo giác mạc bằng laser	
162	3628	Gây tê phẫu thuật độn củng mạc bằng collagen điều trị cận thị	
163	3665	Gây tê phẫu thuật gấp cân cơ nâng mi trên điều trị sụp mi	
164	3687	Gây tê phẫu thuật ghép màng ối, kết mạc điều trị loét, thủng giác mạc	
165	3688	Gây tê phẫu thuật ghép màng sinh học bề mặt nhãn cầu	
166	3689	Gây tê phẫu thuật ghép mỡ điều trị lõm mắt	
167	3705	Gây tê phẫu thuật glôcôm lần hai trở lên	
168	3706	Gây tê phẫu thuật gọt giác mạc đơn thuần	
169	3708	Gây tê phẫu thuật hạ mi trên (chính chỉ, lùi cơ nâng mi ...)	
170	3838	Gây tê phẫu thuật lác có chính chỉ	
171	3839	Gây tê phẫu thuật lác người lớn	
172	3840	Gây tê phẫu thuật lác phức tạp (di thực cơ, phẫu thuật cơ chéo, faden...)	
173	3841	Gây tê phẫu thuật lác thông thường	
174	3849	Gây tê phẫu thuật làm hẹp khe mi, rút ngắn dây chằng mi ngoài, mi trong điều trị hở mi do liệt dây VII	
175	3853	Gây tê phẫu thuật lạnh đông đơn thuần phòng bong võng mạc	
176	3855	Gây tê phẫu thuật laser điều trị u máu mi, kết mạc, hốc mắt	
177	3856	Gây tê phẫu thuật laser điều trị u nguyên bào võng mạc	
178	3857	Gây tê phẫu thuật laser excimer điều trị tật khúc xạ	
179	3859	Gây tê phẫu thuật laser femtosecond điều trị tật khúc xạ	
180	3860	Gây tê phẫu thuật laser mở bao sau đục	
181	3882	Gây tê phẫu thuật lấy da mi sa (mi trên, mi dưới, 2 mi) có hoặc không lấy mỡ dưới da mi	
182	3885	Gây tê phẫu thuật lấy dị vật giác mạc sâu	
183	3886	Gây tê phẫu thuật lấy dị vật hốc mắt	
184	3887	Gây tê phẫu thuật lấy dị vật nội nhãn bằng nam châm	
185	3892	Gây tê phẫu thuật lấy dị vật tiền phòng	
186	3893	Gây tê phẫu thuật lấy dị vật trong củng mạc	
187	3909	Gây tê phẫu thuật lấy mỡ mi mắt trên, dưới và tạo hình 2 mi	
188	3932	Gây tê phẫu thuật lấy thể thủy tinh (trong bao, ngoài bao, Phaco) có hoặc không đặt IOL trên mắt đục nhất	
189	3933	Gây tê phẫu thuật lấy thể thủy tinh ngoài bao có hoặc không đặt IOL	
✓	3934	Gây tê phẫu thuật lấy thể thủy tinh sa, lệch bằng phương pháp phaco, phối hợp cắt dịch kính có hoặc không đặt IOL	
✓	190	3935	Gây tê phẫu thuật lấy thể thủy tinh trong bao, ngoài bao, Phaco có hoặc không đặt IOL trên mắt đục nhất
✓	191	3936	Gây tê phẫu thuật lấy thể thủy tinh trong bao, ngoài bao, Phaco có hoặc không đặt IOL trên mắt đục nhất
	192	3956	Gây tê phẫu thuật lùi cơ nâng mi
	193	3958	Gây tê phẫu thuật mắt ở trẻ em
	194	3960	Gây tê phẫu thuật mở bao sau
	195	3961	Gây tê phẫu thuật mở bao sau đục bằng laser

✓	3962	Gây tê phẫu thuật mở bè có hoặc không cắt bè
196	3994	Gây tê phẫu thuật mộng có ghép (kết mạc rời tự thân, màng ối...) có hoặc không áp thuốc chống chuyên hoá
197	3995	Gây tê phẫu thuật mộng có ghép (kết mạc tự thân, màng ối...) có hoặc không sử dụng keo dán sinh học
198	3996	Gây tê phẫu thuật mộng đơn thuần
199	3997	Gây tê phẫu thuật mức nội nhãn
200	3998	Gây tê phẫu thuật nâng sàn hốc mắt
201	4006	Gây tê phẫu thuật nhuộm giác mạc thẩm mỹ
202	4442	Gây tê phẫu thuật quặm bẩm sinh
203	4448	Gây tê phẫu thuật vá da tạo hình mi
204	4449	Gây tê phẫu thuật vá da, niêm mạc tạo cùng đồ có hoặc không tách dính mi cầu
		Đ. AN THẦN
205	4492	An thần phẫu thuật mắt ở trẻ em

XIV. MẮT

STT	STT theo TT 43 và TT 21	DANH MỤC KỸ THUẬT
206	4	Phẫu thuật lấy thể thủy tinh (trong bao, ngoài bao, Phaco) có hoặc không đặt IOL trên mắt đục nhất
207	5	Phẫu thuật tán nhuyễn thể thủy tinh bằng siêu âm (Phaco) có hoặc không đặt IOL
208	6	Phẫu thuật glôcôm lần hai trở lên
209	7	Phẫu thuật bong võng mạc tái phát
210	12	Tháo dầu silicon nội nhãn
211	13	Bơm dầu silicon, khí bổ sung sau PT cắt DK điều trị BVM
212	14	Cắt dịch kính có hoặc không laser nội nhãn
213	15	Cắt dịch kính, bóc màng trước võng mạc
214	16	Cắt dịch kính, khớ nội nhãn điều trị lỗ hoàng điểm
215	17	Cắt dịch kính + laser nội nhãn + lấy dị vật nội nhãn
216	18	Cắt dịch kính lấy ấu trùng sán trong buồng dịch kính
217	19	Cắt dịch kính điều trị viêm mủ nội nhãn
218	20	Cắt dịch kính điều trị tổ chức hóa dịch kính
219	21	Cắt dịch kính điều trị tồn lưu dịch kính nguyên thủy
220	22	Phẫu thuật bong võng mạc, cắt dịch kính có hoặc không laser nội nhãn, có hoặc không dùng dầu/khí nội nhãn
221	23	Phẫu thuật bong võng mạc theo phương pháp kính điện
222	24	Tháo đai độn củng mạc
223	25	Điều trị glôcôm bằng laser mộng mắt chu biên
224	26	Điều trị glôcôm bằng tạo hình mộng mắt (Iridoplasty)

225	27	Điều trị glôcôm bằng tạo hình vùng bè (Trabeculoplasty)
226	29	Điều trị một số bệnh võng mạc bằng laser (bệnh võng mạc tiểu đường, cao huyết áp, trẻ đẻ non...)
227	32	Mở bao sau đục bằng laser
228	33	Điều trị laser hồng ngoại
229	34	Laser excimer điều trị tật khúc xạ
230	35	Laser femtosecond điều trị tật khúc xạ
231	37	Bóc biểu mô giác mạc (xâm nhập dưới vạt) sau phẫu thuật Lasik
232	38	Điều trị sẹo giác mạc bằng laser
233	39	Phẫu thuật độn củng mạc bằng collagen điều trị cận thị
234	40	Rạch giác mạc điều chỉnh loạn thị
235	41	Lấy thể thủy tinh sa, lệch bằng phương pháp phaco, phối hợp cắt dịch kính có hoặc không đặt IOL
236	42	Lấy thể thủy tinh sa, lệch trong bao phối hợp cắt dịch kính có hoặc không cố định IOL
237	43	Cắt thể thủy tinh, dịch kính có hoặc không cố định IOL
238	44	Phẫu thuật lấy thể thủy tinh ngoài bao có hoặc không đặt IOL
239	46	Phẫu thuật đặt thể thủy tinh nhân tạo (IOL) thì 2 (không cắt dịch kính)
240	47	Phẫu thuật chỉnh, xoay, lấy IOL có hoặc không cắt DK
241	48	Đặt IOL trên mắt cận thị (Phakic)
242	49	Phẫu thuật cố định IOL thì hai + cắt dịch kính
243	50	Cắt màng xuất tiết diện đồng tử, cắt màng đồng tử
244	51	Mở bao sau bằng phẫu thuật
245	52	Cắt chỉ bằng laser
246	61	Nội thông lệ mũi có hoặc không đặt ống Silicon, có hoặc không áp thuốc chống chuyển hóa
247	62	Nội thông lệ mũi nội soi
248	63	Phẫu thuật mở rộng điểm lệ
249	64	Phẫu thuật đặt ống Silicon lệ quản – ống lệ mũi
250	65	Phẫu thuật màng có ghép (kết mạc rời tự thân, màng ối...) có hoặc không áp thuốc chống chuyển hoá
251	66	Phẫu thuật màng có ghép (kết mạc tự thân, màng ối...) có hoặc không sử dụng keo dán sinh học
252	67	Phẫu thuật ghép màng sinh học bề mặt nhãn cầu
253	68	Gọt giác mạc đơn thuần
254	69	Ghép màng ối, kết mạc điều trị loét, thủng giác mạc
255	70	Tách dính mi cầu, ghép kết mạc rời hoặc màng ối
256	71	Lấy dị vật hốc mắt
257	72	Lấy dị vật trong củng mạc
258	73	Lấy dị vật tiền phòng
259	75	Cắt móng mắt quang học có hoặc không tách dính phức tạp
260	76	Vá da, niêm mạc tạo củng đồ có hoặc không tách dính mi cầu
261	77	Cố định màng xương tạo củng đồ



262	78	Cố định bao Tenon tạo cùng đồ dưới
263	79	Tái tạo lệ quản kết hợp khâu mi
264	80	Sinh thiết tổ chức mi
265	81	Sinh thiết tổ chức hốc mắt
266	82	Sinh thiết tổ chức kết mạc
267	83	Cắt u da mi không ghép
268	84	Cắt u mi cả bề dày không ghép
269	85	Cắt u da mi có trượt lông mi, vạt da, hay ghép da
270	86	Cắt u mi cả bề dày ghép sụn kết mạc và chuyển vạt da
271	88	Cắt u kết mạc có hoặc không u giác mạc không ghép
272	89	Cắt u kết mạc, giác mạc có ghép kết mạc, màng ôi hoặc giác mạc
273	90	Cắt u tiền phòng
274	91	Cắt u hậu phòng
275	92	Tiêm cortison điều trị u máu
276	93	Điều trị u máu bằng hoá chất
277	94	Áp lạnh điều trị u máu mi, kết mạc, hốc mắt
278	95	Laser điều trị u máu mi, kết mạc, hốc mắt
279	98	Chích mỡ hốc mắt
280	99	Ghép mỡ điều trị lõm mắt
281	104	Tái tạo cùng đồ
282	105	Cố định tuyến lệ chính điều trị sa tuyến lệ chính
283	106	Đóng lỗ dò đường lệ
284	107	Tạo hình đường lệ có hoặc không điểm lệ
285	108	Phẫu thuật lác phức tạp (di thực cơ, phẫu thuật cơ chéo, Faden...)
286	109	Phẫu thuật lác thông thường
287	110	Phẫu thuật lác có chỉnh chỉ
288	111	Cắt chỉ sau phẫu thuật lác
289	112	Cắt chỉ sau phẫu thuật sụp mi
290	113	Chỉnh chỉ sau mổ lác
291	114	Phẫu thuật đính chỗ bám cơ vào dây chằng mi điều trị lác liệt
292	115	Sửa sẹo sau mổ lác
293	116	Cắt chỉ sau phẫu thuật lác, sụp mi
294	117	Điều trị lác bằng thuốc (botox, dysport...)
295	118	Phẫu thuật rút ngắn cơ nâng mi trên điều trị sụp mi
296	119	Phẫu thuật gấp cân cơ nâng mi trên điều trị sụp mi
297	120	Phẫu thuật treo mi - cơ trán (bằng Silicon, cân cơ đuôi...) điều trị sụp mi
298	121	Phẫu thuật hạ mi trên (chỉnh chỉ, lùi cơ nâng mi ...)
299	122	Cắt cơ Muller
300	123	Lùi cơ nâng mi
301	124	Vá da tạo hình mi
302	125	Phẫu thuật tạo hình nếp mi
303	126	Phẫu thuật tạo hình hạ thấp hay nâng nếp mi
304	127	Phẫu thuật lấy mỡ dưới da mi (trên, dưới, 2 mi)

H.C
GT
T.P

305	129	Ghép da hay vật da điều trị hở mi do sẹo
306	130	Phẫu thuật làm hẹp khe mi, rút ngắn dây chằng mi ngoài, mi trong điều trị hở mi do liệt dây VII
307	131	Phẫu thuật cắt cơ Muller có hoặc không cắt cân cơ nâng mi điều trị hở mi
308	132	Phẫu thuật điều trị lật mi dưới có hoặc không ghép
309	133	Sửa sẹo xấu vùng quanh mi
310	134	Di thực hàng lông mi
311	135	Phẫu thuật Epicanthus
312	136	Phẫu thuật mở rộng khe mi
313	137	Phẫu thuật hẹp khe mi
314	138	Lấy da mi sa (mi trên, mi dưới, 2 mi) có hoặc không lấy mỡ dưới da mi
315	139	Điều trị co giật mi, co quắp mi, cau mày, nếp nhăn da mi bằng thuốc (botox, dysport...), laser
316	140	Rút ngắn góc trong mắt (phẫu thuật Y-V có hoặc không rút ngắn dây chằng mi trong)
317	141	Điều trị di lệch góc mắt
317	142	Phẫu thuật Doenig
319	143	Phẫu thuật điều trị bong hắc mạc: chọc hút dịch bong dưới hắc mạc, bơm hơi tiền phòng
320	145	Phẫu thuật cắt móng mắt chu biên
321	146	Tạo hình móng mắt (khâu móng mắt, chân móng mắt...)
322	147	Cắt bè sử dụng thuốc chống chuyển hoá hoặc chất antiVEGF
323	148	Cắt củng mạc sâu có hoặc không áp thuốc chống chuyển hoá
324	149	Mở góc tiền phòng
325	150	Mở bè có hoặc không cắt bè
326	151	Đặt ống Silicon tiền phòng điều trị glôcôm
327	152	Đặt ống tiền phòng điều trị glôcôm (đặt shunt mini Express)
328	153	Đặt van dẫn lưu tiền phòng điều trị glôcôm
329	154	Rút van dẫn lưu, ống Silicon tiền phòng
330	155	Sửa vá sẹo bong bằng kết mạc, màng ôi, củng mạc
331	156	Sửa sẹo bong bằng kim (phẫu thuật needling)
332	157	Chọc hút dịch kính, tiền phòng lấy bệnh phẩm
333	158	Tiêm nội nhãn (kháng sinh, antiVEGF, corticoid...)
334	159	Tiêm nhu mô giác mạc
335	160	Áp tia beta điều trị các bệnh lý kết mạc
336	161	Tập nhược thị
337	162	Rửa tiền phòng (máu, xuất tiết, mù, hóa chất...)
338	163	Rửa chất nhân tiền phòng
339	164	Cắt bỏ túi lệ
340	165	Phẫu thuật mộng đơn thuần

341	166	Lấy dị vật giác mạc sâu
342	167	Cắt bỏ chấp có bọc
343	168	Khâu cò mi, tháo cò
344	169	Chích dẫn lưu túi lệ
345	170	Phẫu thuật lác người lớn
346	171	Khâu da mi đơn giản
347	172	Khâu phục hồi bờ mi
348	174	Xử lý vết thương phần mềm, tổn thương nông vùng mắt
349	175	Khâu phủ kết mạc
350	176	Khâu giác mạc
351	177	Khâu củng mạc
352	178	Thăm dò, khâu vết thương củng mạc
353	179	Khâu lại mép mỏ giác mạc, củng mạc
354	180	Cắt bè củng giác mạc (Trabeculectomy)
355	183	Bơm hơi / khí tiền phòng
356	184	Cắt bỏ nhãn cầu có hoặc không cắt thị thần kinh dài
357	185	Mức nội nhãn
358	187	Phẫu thuật quặm
359	188	Phẫu thuật quặm tái phát
360	189	Phẫu thuật quặm bằng ghép niêm mạc môi (Sapejko)
361	190	Nhuộm giác mạc thẩm mỹ
362	191	Mỏ quặm bẩm sinh
363	192	Cắt chỉ khâu giác mạc
364	193	Tiêm dưới kết mạc
365	194	Tiêm cạnh nhãn cầu
366	195	Tiêm hậu nhãn cầu
367	196	Tiêm nội mô giác mạc
368	197	Bơm thông lệ đạo
369	200	Lấy dị vật kết mạc
370	201	Khâu kết mạc
371	202	Lấy calci kết mạc
372	203	Cắt chỉ khâu da mi đơn giản
373	204	Cắt chỉ khâu kết mạc
374	205	Đốt lông xiêu và nhổ lông xiêu
375	206	Bơm rửa lệ đạo
376	207	Chích chấp, lệ, nang lông mi; chích áp xe mi, kết mạc
377	208	Thay băng vô khuẩn
378	209	Tra thuốc nhỏ mắt
379	210	Nặn tuyến bờ mi, đánh bờ mi
380	211	Rửa củng đồ
381	212	Cấp cứu bong mắt ban đầu
382	213	Bóc sợi giác mạc (viêm giác mạc sợi)
383	214	Bóc giả mạc

384	215	Rạch áp xe mi
385	216	Rạch áp xe túi lệ
386	217	Đặt kính áp tròng điều trị: tật khúc xạ, giác mạc hình chóp, bệnh lý bề mặt giác mạc
387	218	Soi đáy mắt trực tiếp
388	219	Soi đáy mắt bằng kính 3 mặt gương
389	220	Soi đáy mắt bằng Schepens
390	221	Soi góc tiền phòng
391	222	Theo dõi nhãn áp 3 ngày
392	223	Khám lâm sàng mắt
393	224	Đo thị giác tương phản
394	225	Gây mê để khám
Tạo hình <i>thời kỳ</i>		
395	229	Phẫu thuật lấy mỡ mi mắt trên, dưới và tạo hình 2 mi
396	230	Phẫu thuật phục hồi trĩ mi dưới
397	233	Phẫu thuật tạo nếp mi
398	234	Phẫu thuật xếp hình mi
399	236	Phẫu thuật tạo hình mi
400	237	Phẫu thuật tạo mí 2 mắt (xẻ đôi mí)
Chẩn đoán hình ảnh <i>xn</i>		
401	238	Chụp khu trú dị vật nội nhãn
402	239	Chụp lỗ thị giác
403	240	Siêu âm mắt (siêu âm thường qui)
404	242	Chụp OCT bán phần trước nhãn cầu
405	243	Chụp OCT bán phần sau nhãn cầu
406	244	Chụp đáy mắt không huỳnh quang
407	246	Chụp mạch với ICG
408	248	Chụp đĩa thị 3D
409	249	Siêu âm bán phần trước
Thăm dò chức năng và xét nghiệm		
410	250	Test thử cảm giác giác mạc
411	251	Test phát hiện khô mắt
412	252	Nghiệm pháp phát hiện glôcôm
413	253	Đo thị trường trung tâm, thị trường ám điểm
414	254	Đo thị trường chu biên
415	255	Đo nhãn áp (Maclakov, Goldmann, Schiotz.....)
416	256	Đo sắc giác
417	257	Đo khúc xạ khách quan (soi bóng đồng tử - Skiascope)
418	258	Đo khúc xạ máy
419	260	Đo thị lực
420	261	Thử kính
421	262	Đo độ lác
422	263	Xác định sơ đồ song thị
423	264	Đo biên độ điều tiết



424	265	Đo thị giác 2 mắt
425	266	Đo độ sâu tiền phòng
426	267	Đo đường kính giác mạc
427	268	Đo độ dày giác mạc
428	269	Đếm tế bào nội mô giác mạc
429	270	Chụp bản đồ giác mạc
430	275	Đo công suất thể thủy tinh nhân tạo bằng siêu âm
431	276	Đo độ lồi
432	277	Test thử nhược cơ
433	278	Test kéo cơ cứng bức
434	279	Hoá sinh (Thủy dịch mắt)
435	280	Định lượng Globulin
436	281	Định lượng Albumin
437	282	Định lượng Vitamin
438	283	Định lượng Cholesterol
439	284	Định lượng LDH
440	285	Xét nghiệm tỷ trọng
441	286	Xét nghiệm pH
442	287	Định lượng kháng thể
443	288	Test lấy bì
444	289	Test nội bì
445	290	Tiêm trong da; tiêm dưới da; tiêm bắp thịt
447	291	Tiêm tĩnh mạch; truyền tĩnh mạch
448	292	Chụp mạch ký huỳnh quang
449	293	Siêu âm + đo trực nhãn cầu
450	294	Chụp Angiography

XXII. HUYẾT HỌC TRUYỀN MÁU

STT	STT theo TT 43 và TT 21	DANH MỤC KỸ THUẬT
		A.XÉT NGHIỆM ĐÔNG MÁU
451	19	Thời gian máu chảy phương pháp Duke
452	20	Thời gian máu chảy phương pháp Ivy
453	21	Co cục máu đông (Tên khác: Co cục máu)
454	22	Nghiệm pháp dây thắt
		B.TẾ BÀO HỌC
455	121	Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi (bằng máy đếm laser)
456	123	Huyết đồ (bằng phương pháp thủ công)
457	125	Huyết đồ (bằng máy đếm laser)
458	138	Tim ký sinh trùng sốt rét trong máu (bằng phương pháp thủ công)

459	139	Tìm ký sinh trùng sốt rét trong máu (bằng phương pháp tập trung hồng cầu nhiễm)
460	141	Tập trung bạch cầu
461	142	Máu lắng (bằng phương pháp thủ công)
462	149	Xét nghiệm tế bào cặn nước tiểu (bằng phương pháp thủ công)
463	151	Cặn Addis
464	163	Xét nghiệm số lượng và độ tập trung tiểu cầu (bằng phương pháp thủ công)
		D.HUYẾT THANH HỌC NHÓM MÁU
465	280	Định nhóm máu hệ ABO (Kỹ thuật phiên đá)
466	292	Định nhóm máu hệ Rh(D) (Kỹ thuật phiên đá)

XXIII. HÓA SINH

STT	STT theo TT 43 và TT 21	DANH MỤC KỸ THUẬT
		A. MÁU
467	3	Định lượng Acid Uric
468	7	Định lượng Albumin
469	10	Đo hoạt độ Amylase
470	11	Định lượng Amoniac (NH ₃)
471	19	Đo hoạt độ ALT (GPT)
472	20	Đo hoạt độ AST (GOT)
473	25	Định lượng Bilirubin trực tiếp
474	26	Định lượng Bilirubin gián tiếp
475	27	Định lượng Bilirubin toàn phần
476	29	Định lượng Calci toàn phần
477	30	Định lượng Calci ion hóa
478	41	Định lượng Cholesterol toàn phần
479	51	Định lượng Creatinin
480	60	Định lượng Ethanol (cồn)
481	63	Định lượng Ferritin
482	75	Định lượng Glucose
483	77	Đo hoạt độ GGT (Gama Glutamyl Transferase)
484	83	Định lượng HbA1C
485	84	Định lượng HDL-C (High density lipoprotein Cholesterol)
486	112	Định lượng LDL - C (Low density lipoprotein Cholesterol)
487	143	Định lượng Sắt
488	158	Định lượng Triglycerid
489	166	Định lượng Urê
490	234	Đường máu mao mạch
491	241	Nồng độ rượu trong máu

B. NƯỚC TIỂU		
492	173	Định tính Amphetamin (test nhanh)
493	174	Định lượng Amphetamine
494	179	Định tính beta hCG (test nhanh)
495	187	Định lượng Glucose
496	188	Định tính Marijuana (THC) (test nhanh)
497	189	Định lượng MAU (Micro Albumin Arine)
498	192	Định lượng Opiate
499	193	Định lượng Opiate (test nhanh)
500	194	Định tính Morphin (test nhanh)
501	195	Định tính Codein (test nhanh)
502	196	Định tính Heroin (test nhanh)
503	200	Điện di Protein nước tiểu (máy tự động)
504	201	Định lượng Protein
505	205	Định lượng Ure
506	206	Tổng phân tích nước tiểu (bằng máy tự động)
D. Thủy dịch		
507	211	Định lượng Albumin
508	212	Định lượng Globulin

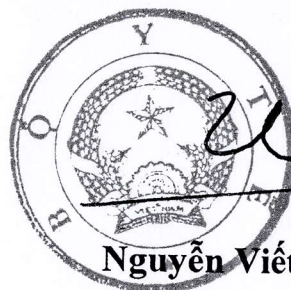
XXIV. VI SINH

STT	STT theo TT 43 và TT 21	DANH MỤC KỸ THUẬT
A. VI KHUẨN		
509	1	Vi khuẩn nhuộm soi
510	2	Vi khuẩn test nhanh
511	73	Helicobacter pylori Ag test nhanh ✓
B. VIRUS		
512	108	Virus test nhanh ✓
513	117	HBsAg test nhanh ✓
514	169	HIV Ab test nhanh ✓
515	183	Dengue virus NS1Ag test nhanh ✓
516	184	Dengue virus NS1Ag/IgM/IgG test nhanh ✓
517	185	Dengue virus IgA test nhanh ✓
518	187	Dengue virus IgM/IgG test nhanh ✓
519	225	EV71 IgM/IgG test nhanh ✓
C. KÝ SINH TRÙNG		
520	263	Hồng cầu, bạch cầu trong phân soi tươi
521	264	Hồng cầu trong phân test nhanh
522	265	Đơn bào đường ruột soi tươi



524	266	Đơn bào đường ruột nhuộm soi
524	267	Trứng giun, sán soi tươi
525	268	Trứng giun soi tập trung
D.VI NĂM		
526	319	Vi nấm soi tươi
527	320	Vi nấm test nhanh
528	321	Vi nấm nhuộm soi

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Việt Tiên

CHỨNG THỰC HIỆN SỬ DỤNG VI BẢN CHÍNH
Số chứng thực..... Quyển số.....SCT/BS

Ngày 23/02/2019

TRƯỞNG PHÒNG TƯ PHÁP QUẬN 10

Trần Văn Phước